

Bản án số: **82/2023/DS-ST**

Ngày: 14/9/2023

Về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Bình Trung, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Trần Chí Trung, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp Phước Thạnh, xã Thạnh Phước, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2023 (Ông Trung có mặt).

2. Bị đơn: **Hồ Thị L**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà Hồ Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 05/9/2023.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2023, bản tự khai, đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 08/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H, ông Trần Chí Trung trình bày:

Từ năm 2020 đến năm 2022, do quan hệ quen biết với nhau nên bà Nguyễn Thị Kim H có giao dịch với bà Hồ Thị L, cụ thể qua các lần tham gia chơi hụi và mua hụi như sau:

- Phần hụi mua:

Ngày 30/12/2021, chị H mua 04 dây hụi, mỗi dây 24.000.000 đồng, khi bề hụi bà L còn nợ số tiền 04 dây hụi, mỗi dây 24.000.000 đồng. Như vậy 04 dây hụi này bà L còn nợ bà H số tiền là 96.000.000 đồng. Bà L có tự viết 04 giấy mua hụi và ký tên.

- Phần tham gia chơi hụi:

Dây hụi thứ 1: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/12/2021, gồm 24 hụi viên, chị H tham gia chơi 01 phần. Khi bề hụi, bà L còn nợ: 07 phần hụi chết x 2.000.000đ = 14.000.000 đồng.

- **Dây hụi thứ 2:** Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05/6/2021, gồm 20 hụi viên, chị H tham gia chơi 01 phần. Khi bề hụi, bà L còn nợ: 13 phần hụi chết x 2.000.000đ = 26.000.000 đồng.

Tổng cộng: Bà Hồ Thị L còn nợ chị Nguyễn Thị Kim H số tiền hụi là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Chí Trung có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông Trung yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền hụi còn thiếu là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

(Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bao gồm: Giấy nợ hụi, bút lục số 08, 09).

* Tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06/3/2023, bị đơn Hồ Thị L trình bày:

Bà Hồ Thị L thừa nhận có thiếu tiền hụi của bà Nguyễn Thị Kim H với tổng số tiền là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng), tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế của gia đình bà đang gặp khó khăn, do đó bà L yêu cầu trả dần, định kỳ 03 tháng trả một lần 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc bà L tham gia chơi hụi nhằm kiếm tiền lời, tuy nhiên ông T không biết việc bà Hồ Thị L tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị Kim H. Chính vì lẽ đó, ông T không đồng ý liên đới với bà Hồ Thị L để trả tiền hụi cho bà Nguyễn Thị Kim H.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu phường.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H đối với bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền hụi còn thiếu là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền hụi nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn Hồ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Từ năm 2020-2022, bà Nguyễn Thị Kim H có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi, sau đó, bà Hồ Thị L bị vỡ hụi, mất khả năng thanh toán. Do đó quan

hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo quy định tại **Điều 26, 471** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 21/02/2023 và ngày 20/02/2023 của Công an xã ĐT, huyện BD, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T có đăng ký thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, **vụ án** thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre.

[4] Về nội dung vụ án.

Từ năm 2020 đến năm 2022, bà Nguyễn Thị Kim H có tham gia chơi hội do bà Hồ Thị L làm chủ hội, đồng thời bà H có tham gia mua hội, số tiền hội nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H yêu cầu hoàn trả là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Hồ Thị L thừa nhận còn nợ nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H số tiền hội là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) phù hợp với các giấy nợ hội do bên bà Nguyễn Thị Kim H cung cấp, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với dây hội thứ nhất khai ngày 30/12/2021 (Âm lịch), gồm 24 hội viên và 24 phần, dây hội này đến ngày xét xử sơ thẩm chưa mãn, tuy nhiên nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H không phải khởi kiện một vụ án khác, cũng như bị đơn Hồ Thị L cũng thừa nhận và đồng ý hoàn trả số tiền hội của dây hội này. Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H cũng không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hội mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do đó Hội đồng xét xử buộc trả số tiền hội 14.000.000 đồng của dây hội thứ nhất là không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[5] Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà L và ông T thể hiện bà L và ông T là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà L làm chủ hội để lo kinh tế gia đình, nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Hồ Thị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H được chấp nhận toàn bộ nên bà L và ông T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền là:

136.000.000 đồng X 5% = 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các **Điều 47, 468, 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 18, 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

2. Buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ hội là 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận việc bên nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.1. Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải có **nghĩa vụ** liên đới chịu 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

4.2. Bà Nguyễn Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.710.000 đồng** (Ba triệu bảy trăm mười nghìn đồng) theo hai biên lai thu tiền số 0004866 ngày 05/5/2023; Số 0004997 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Hồ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi